TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 885/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thuận– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 496/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 801/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 670/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 4 xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Đức T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp 4 xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2024, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Lệ Tvà ông Phan Đức T1 chung sống với nhau vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 25/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà T nhận thấy tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Đức T1 để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Thị Nguyên N, sinh ngày 23/9/2007 và Phan Thị Nguyên H, sinh ngày 05/4/2013. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H; ông T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngân. Bà T và ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Đức T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Toà án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Phan Đức T1. Giao con chung là Phan Thị Nguyên H, sinh ngày 05/4/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phan Thị Nguyên N, sinh ngày 23/9/2007 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Lệ Tvà ông Phan Đức T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Tkhởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T1, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 05/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Phan Đức T1 không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Phan Đức T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Đức T1 để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Đương sự Phan Đức T1, sinh năm 1980 có đăng ký khai báo nơi ở hiện tại và thực tế cư trú tại ấp 4, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 06/4/2024 đến nay"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông T1 không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…"*.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà Tyêu cầu ly hôn với ông T1 là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trung.

b) Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Thị Nguyên N, sinh ngày 23/9/2007 và Phan Thị Nguyên H, sinh ngày 05/4/2013. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hiền; ông T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngân. Bà T và ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A: "Qua rà soát, tổ hòa giải cơ sở ấp 1A chưa có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu hòa giải tranh chấp hay mâu thuẫn hôn nhân và gia đình nào của bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1984 và ông Phan Đức T1, sinh năm 1980 đề nghị giải quyết. Do đó Tổ hòa giải cơ sở ấp 1A chưa có thực hiện hòa giải hôn nhân và gia đình…".

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Tòa án đã lập biên bản ghi nhận nguyện vọng của các trẻ Phan Thị Nguyên N có nguyện vọng được sống chung với ông T1 và Phan Thị Nguyên H có nguyện vọng được sống chung với bà T. Đồng thời theo trình bày của bà T thì hiện tại trẻ N hiện đang sống chung với ông T1 và việc học của trẻ đang ổn định, do đó bà Tgiao con cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng để việc học hành của trẻ được ổn định. Trẻ H đang sống với bà T do đó bà yêu cầu được nuôi con để chăm sóc con được tốt hơn. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông T1 Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó nêu rõ nội dung bà Tyêu cầu nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông T1 không đến Toà án để làm việc và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tvề việc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Phan Đức T1. Giao con chung là Phan Thị Nguyên H, sinh ngày 05/4/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phan Thị Nguyên N, sinh ngày 23/9/2007 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Phan Đức T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Quế P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/01/2007 còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là Phan Thị Nguyên H, sinh ngày 05/4/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phan Thị Nguyên N, sinh ngày 23/9/2007 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở cha, mẹ thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về T1 sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0033985 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tđã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Phạm Thị Tuyết